

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 347/2019/DS-PT

Ngày: 11-10-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng thế
chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn.

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Vũ Thị Thu Hằng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26/9/2019 và ngày 11/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2019/TLPT-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 344/2019/QĐ-PT, ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Quang Đ – Chức vụ: Tổng Giám đốc; Địa chỉ: Tòa nhà Mipec, 229 Tây S, Đống Đ, Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang Đ là ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: đường Nguyễn

H, Phường 2, Thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp. (theo văn bản ủy quyền số 185/2014/UQ-TGD, ngày 31/7/2014).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H là ông Đoàn Vũ T, sinh năm: 1988 – Chức vụ: Chuyên viên; Địa chỉ: đường Nguyễn H, Phường 2, Tp Cao L, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền số 172A/2018/UQ-GĐ, ngày 19/6/2018) (có mặt);

Bị đơn

1. Trà Tấn H, sinh năm 1952 (có mặt);

2. Võ Thanh T, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 565/3, ấp Hòa Bình, xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trà Thanh T1, sinh năm 1980 (vắng mặt);

HKTT: ấp Hòa B, xã Tân H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: ấp Kinh N, xã Vĩnh H, Phú G, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T1 là anh Trà Quốc C, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp Long P, xã Hòa L, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 02/10/2019) (có mặt).

4. Trà Quốc C, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Long P, xã Hòa L, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Huỳnh Thị Thu T2, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Tân L, xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Trà Quốc A, sinh năm: 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Hòa B, xã Tân H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ngân hàng A là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng A trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 092/2011/HĐHM-TN/PGB ký ngày 28/02/2011 Ngân hàng có cho Trà Quốc A và Huỳnh Thị Thu T2 vay vốn 250.000.000 đồng, thời hạn là 02 năm, lãi suất 1,54%/01 tháng. Tài sản bảo

đảm cho khoản vay là Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 092/2011/HĐBL/PGB được ký ngày 23/02/2011, số chứng thực 30, quyền I TP/CC-SCT/HĐGD, tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 105, thửa 107, diện tích 02 thửa đất 5.984m², cùng tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng đất CLN, đất tọa lạc tại xã Định H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Ủy ban nhân dân huyện Lai V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trà Tấn H, ngày cấp 09/08/2006 (02 Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AG 017210, số bìa AG 017211, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00417, số H00418). Do anh A và chị T2 vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng đã khởi kiện, Tòa án nhân dân thành phố Cao L đã xét xử bằng Bản án số 26/2017/DSST, ngày 19/5/2017 buộc anh A và chị T2 trả tiền vốn vay và tiền lãi cho Ngân hàng đến khi trả xong nợ. Chưa xem xét giải quyết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nên Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 092/2011/HĐBL/PGB được ký ngày 23/02/2011.

Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý tài sản bảo đảm của ông Trà Tấn H, bà Võ Thanh T, anh Trà Quốc A, anh Trà Quốc C, chị Trà Thanh T1, chị Huỳnh Thị Thu T2 theo Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 092/2011/HĐBL/PGB được ký ngày 23/02/2011, số chứng thực 30, quyền I TP/CC-SCT/HĐGD, tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 105, thửa 107, diện tích 02 thửa đất 5.984m², cùng tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng đất CLN, đất tọa lạc tại xã Định H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Ủy ban nhân dân huyện Lai V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trà Tấn H, ngày cấp 09/08/2006 (02 Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AG 017210, số bìa AG 017211, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00417, số H00418), cùng các cây trồng vật kiến trúc có trên đất để thực hiện nghĩa vụ của bên vay vốn là chị Huỳnh Thị Thu T2 và anh Trà Quốc A theo Bản án số 26/2017/DSST, ngày 19/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L.

Đối với phần tiền chi phí giám định chữ ký của Trà Quốc C, Trà Thanh T1 tại phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Tháp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Trà Tấn H trình bày:

Ông Trà Tấn H và bà Võ Thanh T có ký tên vào Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 092/2011/HĐBL/PGB được ký ngày 23/02/2011 để đảm bảo khoản tiền vay của Trà Quốc A và Huỳnh Thị Thu T2 theo hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 092/2011/HĐHM-TN/PGB ký ngày 28/02/2011. Hai thửa đất đang thế chấp cho Ngân hàng là đất của hộ gia đình ông H gồm có các thành viên trong hộ là Trà Tấn H, Võ Thanh T, Trà Quốc An, Trà Thanh T1, Trà Quốc C. Ông Trà Tấn H đồng ý xử lý phát mãi kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp phần tài sản của ông H là thửa đất 105, tờ bản đồ số 03, diện tích 3.947m² để trả nợ Ngân hàng đối với khoản vốn vay theo Hợp đồng tín dụng là 250.000.000 đồng, cùng với các cây trồng, vật kiến trúc có trên đất. Đối với thửa 107, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.037m² là của Trà Quốc C, Chương với T1 không có ký tên vào Hợp đồng thế chấp nên không phải chịu trách nhiệm trả nợ. Phần tiền lãi phát sinh ông H không đồng ý trả vì ông H chỉ bảo đảm cho khoản tiền vốn vay 250.000.000 đồng.

Theo hồ sơ án sơ thẩm bà Võ Thanh T trình bày: Thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày của ông Trà Tấn H. Bà T thừa nhận có ký tên vào Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 092/2011/HĐBL/PGB được ký ngày 23/02/2011, bà T đồng ý xử lý phần tài sản thế chấp như ông H trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trà Quốc C đồng thời là đại diện theo ủy quyền của Trà Thanh T1 trình bày: Anh C và chị T1 không biết gì về hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 092/2011/HĐHM-TN/PGB ký ngày 28/02/2011 và Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 092/2011/HĐBL/PGB được ký ngày 23/02/2011. Anh C, chị T1 cũng không có ký tên vào Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất, theo kết luận giám định số 869/KL-KTHS, ngày 7/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận chữ ký Trà Quốc C, Trà Thanh T1 trên các mẫu tài liệu so sánh với chữ ký trong Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 092/2011/HĐBL/PGB được ký ngày 23/02/2011 tên Trà Quốc C, Trà Thanh T1 không phải cùng một người ký ra.

Thửa đất số 105, tờ bản đồ số 03, diện tích 3.947m²; Thửa 107, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.037m² phần đất này cấp cho hộ gia đình là tài sản chung của hộ gia đình gồm có Trà Tấn H, Võ Thanh T, Trà Quốc A, Trà Thanh T1, Trà

Quốc C. Trên đất có cây trồng, vật kiến trúc của hộ gia đình ông H. Trường hợp có kê biên phát mãi bán đấu giá phần đất thế chấp, thì anh C đồng ý kê biên phát mãi bán đấu giá kể cả cây trồng vật kiến trúc có trên đất.

Anh C, chị T1 cho rằng không có ký tên trong Hợp đồng thế chấp nên không đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng. Yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 092/2011/HĐBL/PGB được ký ngày 23/02/2011 vô hiệu phần anh C và chị T1.

Đối với tiền chi phí tạm ứng giám định chữ ký anh C với chị T1 đề cầu Tòa án giải quyết theo quy định, buộc Ngân hàng trả cho anh C, chị T1 số tiền anh C, chị T1 đã nộp tạm ứng giám định.

Theo hồ sơ án sơ thẩm anh Trà Quốc A trình bày: Tòa án nhân dân thành phố Cao L đã xét xử bằng Bản án số 26/2017/DSST, ngày 19/5/2017 buộc anh A và chị T2 trả tiền vốn vay và tiền lãi cho Ngân hàng đến khi trả xong nợ. Đối với Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 092/2011/HĐBL/PGB được ký ngày 23/02/2011, anh A có ký tên vào Hợp đồng, phần tài sản thế chấp là tài sản của hộ ông Trà Tấn H gồm có các thành viên trong hộ là Trà Tấn H, Võ Thanh T, Trà Thanh T1, Trà Quốc An, Trà Quốc C. Anh Trà Quốc A đồng ý xử lý kê biên phát mãi bán đấu giá tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuộc phần sử dụng của anh A, cùng cây trồng vật kiến trúc có trên đất theo Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 092/2011/HĐBL/PGB được ký ngày 23/02/2011 để trả nợ cho Ngân hàng.

Theo hồ sơ án sơ thẩm chị Huỳnh Thị Thu T2 trình bày: Tòa án nhân dân thành phố Cao L đã xét xử bằng Bản án số 26/2017/DSST, ngày 19/5/2017 buộc anh A và chị T2 trả tiền vốn vay và tiền lãi cho Ngân hàng đến khi trả xong nợ. Đối với Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 092/2011/HĐBL/PGB được ký ngày 23/02/2011, chị T2 có ký tên vào Hợp đồng nhưng phần tài sản thế chấp là tài sản của hộ ông Trà Tấn H, tài sản này không có liên quan, không phải là tài sản của chị T2 cho nên chị T2 không có ý kiến gì về việc xử lý hợp đồng thế chấp. Quyền quyết định tài sản này là của hộ ông Trà Tấn H.

Bản án sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 24/4/2019 và Quyết định số 17/2019/QĐ-TA ngày 19/6/2019 về việc sửa chữa, bổ sung bản án của Tòa án nhân dân huyện Lai V tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng A.

Tuyên bố hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 092/2011/HĐBL/PGB được ký ngày 23/02/2011 có hiệu lực một phần đối với ông Trà Tấn H, bà Võ Thanh T, anh Trà Quốc A.

Tuyên bố hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 092/2011/HĐBL/PGB được ký ngày 23/02/2011 vô hiệu một phần đối với anh Trà Quốc C, chị Trà Thanh T1.

Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên phát mãi bán đấu giá tài sản thế chấp là phần tài sản thuộc quyền sử dụng đất của ông Trà Tấn H, bà Võ Thanh T, anh Trà Quốc A và các cây trồng, vật kiến trúc có trên đất theo hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 092/2011/HĐBL/PGB được ký ngày 23/02/2011, để thu hồi nợ theo Bản án số 26/2017/DSST, ngày 19/5/2017 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng của Tòa án nhân dân thành phố Cao L.

Trong trường hợp ông Trà Tấn H, bà Võ Thanh T, anh Trà Quốc A đã thi hành án xong. Phần tài sản còn lại của anh Trà Quốc C, chị Trà Thanh T1 không phải thi hành án thì Ngân hàng A phải có nghĩa vụ trả cho Trà Quốc C, Trà Thanh T1 phần tài sản là quyền sử dụng đất của anh C, chị T1 và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trà Tấn H đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 092/2011/HĐBL/PGB được ký ngày 23/02/2011.

- Án phí; Tạm ứng án phí; Chi phí giám định:

+ Ông Trà Tấn H, bà Võ Thanh T, anh Trà Quốc A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

+ Ngân hàng A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.981.500 đồng theo biên lai số 0001401, ngày 23/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Ngân hàng được nhận lại 13.681.500 đồng (Mười ba triệu, sáu trăm tám mươi một nghìn, năm trăm đồng).

+ Buộc Ngân hàng A phải nộp 3.885.000 đồng (Ba triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định; anh C, chị T1 đã tạm nộp và đã chi xong, nên Ngân hàng A phải hoàn trả lại cho anh Trà Quốc C, chị Trà Thanh

T1 3.885.000 đồng (Ba triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng A kháng cáo với nội dung:

+ Không đồng ý phần Quyết định “Tuyên bố Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 092/2011/HĐBL/PGĐ được ký ngày 23/02/2011 vô hiệu một phần đối với anh Trà Quốc C, chị Trà Thanh T1”.

+ Không đồng ý với phần Quyết định án phí “Ngân hàng A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ”.

+ Không đồng ý với phần Quyết định “Buộc Ngân hàng A phải nộp 3.885.000đ tiền chi phí giám định”.

+ Ngoài ra, trong đơn kháng cáo Ngân hàng còn kiến nghị yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét trách nhiệm Ủy ban nhân dân xã Tân H, khởi tố hình sự về việc giả mạo hồ sơ thế chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng A tiếp tục giữ nguyên nội dung khởi kiện và kháng cáo, yêu cầu Tòa phúc thẩm xử công nhận toàn bộ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (QSDĐ) số 092 ký ngày 23/02/2011 giữa ông H, bà T, chị T1, anh C, anh A và chị T2 đối với Ngân hàng A; không buộc Ngân hàng chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định 3.885,000đ.

Phía bị đơn ông Trà Tấn H tiếp tục giữ nguyên ý kiến đã trình bày của ông và các thành viên trong hộ của ông H, yêu cầu Tòa phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trà Quốc C trình bày thống nhất với ý kiến của ông H, yêu cầu Tòa phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đã phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định pháp luật; về nội dung Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo văn bản Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba, số: 092/2011/HĐBL/PGB ngày 23/02/2011, thì hộ ông Trà Tấn H, gồm: Ông H và vợ là bà T, cùng các con T1, C, A và T2 cùng ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng A, thế chấp QSDĐ 02 thửa số 105 và 107, tổng diện tích 5.984m², với tư cách là bên thứ 03 bảo lãnh bằng tài sản này cho con là vợ chồng T2, A vay tiền của Ngân hàng A.

[2] QSDĐ thửa 105 và 107 thế chấp này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Lai V cấp giấy chứng nhận QSDĐ cùng ngày 09/8/2006 với tên người sử dụng đất là hộ ông Trà Tấn H, theo giấy này thì được xác định cấp cho hộ gia đình ông H, mà hộ ông H thì có 05 người, đó là ông H, bà T, anh A, chị T1 và anh C cùng có chung quyền quyền sử dụng đất, trên văn bản hợp đồng thế chấp thì có chữ ký tên của tất cả 05 người này và có thêm chị T2 là con dâu cùng chung thành viên trong hộ ông H; nhưng chị T1, anh C khẳng định là không tham gia ký kết hợp đồng thế chấp này và có yêu cầu giám định khoa học chữ ký tên của họ; kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận thì chữ ký tên T1, tên C trên văn bản hợp đồng thế chấp không phải chữ ký của anh C, chị T1. Điều này chứng tỏ anh C, chị T1 không có thế chấp phần quyền sử dụng đất của họ cho Ngân hàng A để bảo lãnh cho chị T2 và anh A vay tiền của Ngân hàng A.

[3] Việc ông H, bà T, anh A xác lập hợp đồng thế chấp này với người đại diện Ngân hàng A có cả chữ ký tên của chị T1, anh C là có sự lừa dối đối với chị T1, anh C và với tổ chức Ngân hàng, người đại diện Ngân hàng tại phiên tòa phúc thẩm xác định là văn bản hợp đồng thế chấp phía Ngân hàng ký trước rồi đưa cho khách hàng mang về cho người trong hộ ký và chứng thực nộp lại Ngân hàng nên không nhìn thấy đương sự ký là đã vi phạm nguyên tắc ký kết hợp đồng theo pháp luật, nay biết được có giao dịch này chị T1 và anh C đều phản đối, không chấp nhận xác lập giao dịch, do đó phần hợp đồng bị lừa dối đã vi phạm một trong các điều kiện có hiệu lực quy định tại Điều 117 và trở thành giao dịch dân sự vô hiệu theo Điều 122 và 127 Bộ luật dân sự 2005.

[4] Về phần án phí dân sự sơ thẩm do Ngân hàng A không được chấp nhận một phần yêu cầu nên phải chịu án phí loại không có giá ngạch bằng 300.000đ là đúng quy định và việc giám định có kết quả phù hợp yêu cầu của chị T1, anh C, không phù hợp yêu cầu của Ngân hàng A, nên Ngân hàng A phải chịu chi phí này theo quy định pháp luật.

[5] Phần kiến nghị của Ngân hàng A không thuộc thẩm quyền của Tòa phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng A, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ những tình tiết nội dung nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tuyên hợp đồng thế chấp có hiệu lực 01 phần đối với ông H, bà T và anh A, vô hiệu 01 phần đối với anh C, chị T1 là có căn cứ; Ngân hàng A kháng cáo yêu cầu không phù hợp pháp luật, nên không được chấp nhận.

[8] Tuy nhiên, đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng thế chấp, yêu cầu xác định tính pháp lý có hiệu lực pháp luật của hợp đồng, không phải xác định sở hữu tài sản, nên nội dung tuyên của bản án sơ thẩm là dài dòng và không chính xác, cấp phúc thẩm cần phải sửa cách tuyên án cho cụ thể rõ ràng.

[9] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

[10] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 122, Điều 127, Điều 132, Điều 135, Điều 342, Điều 715, Điều 717, Điều 721 Bộ luật dân sự 2005 và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng A; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng A đối với ông Trà Tấn H, bà Võ Thanh T, chị Trà Thanh T1, anh Trà Quốc C, anh Trà Quốc A và chị Huỳnh Thị Thu T2.

3. Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba số 092/2011/HĐBL/PGB ký kết ngày 23/02/2011 giữa Ngân hàng A với ông Trà Tấn H, bà Võ Thanh T, chị Trà Thanh T1, anh Trà Quốc C, anh Trà Quốc A và

chị Huỳnh Thị Thu T2 được công nhận có hiệu lực pháp luật 3/5 (ba phần năm) và vô hiệu 2/5 (hai phần năm) hợp đồng.

4. Án phí dân sự:

+ Ông Trà Tấn H, bà Võ Thanh T, anh Trà Quốc A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.981.500 đồng theo biên lai số 0001401, ngày 23/8/2018 và 300.000đ theo biên lai thu số 0001524, ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Ngân hàng được nhận lại số tiền là 13.681.500 đồng (Mười ba triệu, sáu trăm tám mươi một nghìn, năm trăm đồng).

5. Chi phí giám định: Ngân hàng A phải chịu, buộc Ngân hàng A phải nộp để hoàn trả lại cho anh Trà Quốc C, chị Trà Thanh T1 số tiền chi phí này là 3.885.000 đồng (Ba triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Lai V;
- CCTHADS huyện Lai V;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Phương